TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33**/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 16-3-2023.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Nhân Nghĩa
2. Ông Phan Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 21/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Đ, sinh năm 1990; Đăng ký thường trú: Ấp TS, xã CS, huyện MCN, tỉnh Bến Tre; Chỗ ở hiện nay: Ấp TH, xã TH1, huyện CT, tỉnh Tiền Giang, có đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 06/3/2023.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp TS, xã CS, huyện MCN, tỉnh Bến Tre, có đơn xin vắng mặt đề ngày 01/3/2023.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2022 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chị Đỗ Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết nhau trước, chị và anh Nguyễn Văn S tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CS, huyện MCN, tỉnh Bến Tre, vào ngày 14/5/2015. Sau khi kết hôn, anh chị sống bên gia đình anh S. Trong thời gian chung sống, thời gian đầu anh chị sống rất hạnh phúc nhưng về sau bắt đầu bất đồng quan điểm và không còn hạnh phúc. Anh chị chính thức sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian

sống ly thân, anh chị không có tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Thái Kh, sinh ngày 17/9/2015, hiện đang sống với anh S. Sau khi ly hôn, chị đồng ý giao cháu Kh cho anh S tiếp tục trực tiếp nuôi và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Trong thời gian chung sống, anh chị không có không có tài sản chung và không có nợ ai.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 01/3/2023; bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:

Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Đỗ Thị Đ. Lý do: Chị Đ đi làm rồi đi khỏi nhà luôn khoảng 02 năm nay, anh chị không cự cãi mà chị Đ cũng không chịu về nhà, từ đó anh chị sống ly thân, xa cách, tình cảm phai nhạt dần.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Thái Kh, sinh ngày 17/9/2015, hiện đang sống với anh. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Kh và không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Trong thời gian chung sống, anh chị không có không có tài sản chung và không có nợ ai.

Tại Biên bản lấy ý kiến đề ngày 01/3/2023, cháu Nguyễn Thái Kh trình bày như sau:

Cháu đang sống với cha. Nếu cha và mẹ cháu ly hôn với nhau, cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha.

Tại Biên bản xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn của chị Đỗ Thị Đ và anh Nguyễn Văn S có nội dung như sau:

Hôn nhân của chị Đỗ Thị Đ và anh Nguyễn Văn S là có thật. Về mâu thuẫn của anh chị, do anh chị không có trình báo nên không rõ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MCN phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị Đ; Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn S tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thái Kh, sinh ngày 17/9/2015 và chị Đỗ Thị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Nguyễn Văn S không có yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị thống nhất không

có nên không xem xét giải quyết; Về án phí: Chị Đ phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhân dân huyện MCN nhận định:

[1] Đối với nguyên đơn chị Đỗ Thị Đ và bị đơn anh Nguyễn Văn S đều có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ và anh S là phù hợp.

[2] *Về hôn nhân:* Hôn nhân của chị Đỗ Thị Đ và anh Nguyễn Văn S là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian và có với nhau một con chung thì bắt đầu mất hạnh phúc và sống ly thân. Anh chị thống nhất nguyên nhân mất hạnh phúc là do bất đồng quan điểm. Tại đơn khởi kiện và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh S. Tại biên bản lấy lời khai, anh S cũng đồng ý ly hôn với chị Đ do không còn tình cảm. Điều đó chứng tỏ rằng cuộc sống hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ là phù hợp.

[3] *Về nuôi con chung*: Trong thời gian chung sống, anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Thái Kh, sinh ngày 17/9/2015, hiện đang sống với anh S. Tại các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, anh chị thống nhất sau khi ly hôn anh S được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Kh. Xét thấy, việc thỏa thuận của anh chị là phù hợp quy định pháp luật cũng như nguyện vọng của cháu Kh và không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận. Vì vậy, Tòa án giao cháu Kh cho anh S tiếp tục trực tiếp nuôi sau khi anh S và chị Đ ly hôn là phù hợp. Đối với yêu cầu cấp dưỡng, việc anh S không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi cháu Kh là sự tự nguyện nên ghi nhận.

[4] *Về chia tài sản:* Chị Đỗ Thị Đ và anh Nguyễn Văn S thống nhất trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và không có nợ ai nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí:* Chị Đỗ Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MCN là phù hợp hoàn toàn với nhận định của Tòa nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị Đ.

Chị Đỗ Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

2. Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn S tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thái Kh, sinh ngày 17/9/2015 sau khi ly hôn và chị Đỗ Thị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do anh S không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về chia tài sản:* Trong thời gian chung sống, anh chị không có tài sản chung và không có nợ ai nên không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Đỗ Thị Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Đ đã nộp theo biên lai thu số ******* ngày **/**/**** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện MCN nên không phải nộp thêm.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện MCN (1b);
- Chi cục THADS huyện MCN (1b);
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

Nguyễn Hoàng Kim Sang